

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 1, 2, 3, 4

Giấy, bút.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, ghi cách làm rồi tự kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi số đo hoặc kết quả đã quan sát và phần được hỗ trợ; không chép kết quả trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện, đơn vị và quan hệ toán học. Để trẻ thử và tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 **Hiểu chuyển động đều qua quãng đường mỗi đơn vị thời gian**

Mục tiêu Nhận chuyển động đều qua quãng đường bằng nhau trong các khoảng thời gian bằng nhau.

Ví dụ Một mô hình đi 4 m trong mỗi giây của những giây đang xét thì có vận tốc 4 m/s. Cần nêu rõ giả thiết đều, không suy mọi chuyển động ngoài đời đều.

Câu 1 · tr. 01 Có; trong các khoảng 1 giây bằng nhau đi các quãng đường 3 m bằng nhau.

Câu 2 · tr. 01 Không; các khoảng thời gian bằng nhau nhưng quãng đường khác nhau.

Câu 3 · tr. 02 $20 : 5 = 4$ m.

Câu 4 · tr. 02 Cần giả thiết chuyển động đều; chỉ hai vị trí đầu-cuối chưa đủ. Đo ở nhiều khoảng thời gian bằng nhau giúp kiểm gần đúng trong phạm vi đã đo, không chứng minh mọi khoảng nhỏ ở giữa đều có chuyển động đều.

Bài 2 · tr. 02 **Đọc và viết vận tốc theo ki-lô-mét trên giờ**

Mục tiêu Đọc km/h là số ki-lô-mét đi trong một giờ của chuyển động đều.

Ví dụ Vận tốc 12 km/h nghĩa là nếu chuyển động đều thì mỗi giờ đi 12 km; tên đọc là mười hai ki-lô-mét trên giờ.

Câu 1 · tr. 02 Bốn mươi lăm ki-lô-mét trên giờ; mỗi giờ đi 45 km nếu đều.

Câu 2 · tr. 02 $36 : 3 = 12$ km/h.

Câu 3 · tr. 03 8 km/h.

Câu 4 · tr. 03 12 km là quãng đường; vận tốc phải ghi 12 km/h để thể hiện quãng đường trong một giờ.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 03 **Đọc và viết vận tốc theo mét trên giây**

Mục tiêu Đọc m/s là số mét đi trong một giây của chuyển động đều.

Ví dụ Một vật đi đều 18 m trong 3 giây có vận tốc $18 : 3 = 6$ m/s.

Đề Câu 1 Đọc 5 m/s và giải thích trong chuyển động đều.

Câu 1 · tr. 03 Năm mét trên giây; mỗi giây đi 5 m.

Câu 2 · tr. 03 $28 : 4 = 7$ m/s.

Câu 3 · tr. 04 1,5 m/s.

Câu 4 · tr. 04 Không; phải đổi về cùng đơn vị, không so riêng chữ số 5.

Bài 4 · tr. 04 **Đổi đơn vị phù hợp khi dùng vận tốc**

Mục tiêu Đổi quãng đường và thời gian về đơn vị phù hợp trước khi tính hoặc so vận tốc.

Ví dụ $36 \text{ km/h} = 36\,000 \text{ m}$ trong 3600 giây, tức 10 m/s, nếu chuyển động đều. Đổi cả quãng đường và thời gian, không chỉ một bên.

Câu 1 · tr. 04 20 m/s.

Câu 2 · tr. 04 2 phút = 120 giây; $600 : 120 = 5$ m/s.

Câu 3 · tr. 05 $5 \times 3600 = 18\,000 \text{ m} = 18 \text{ km}$; vận tốc 18 km/h.

Câu 4 · tr. 05 $18 \text{ km/h} = 5 \text{ m/s}$, hai vận tốc bằng nhau. Không so riêng hai số khi khác đơn vị.

Bài 5 · tr. 05 **Ước lượng rồi đo quãng đường và thời gian chuyển động**

Mục tiêu Ước lượng rồi đo quãng đường và thời gian, mô tả giới hạn của giả thiết chuyển động đều.

Một lối đi ngắn phù hợp, thước dây, đồng hồ bấm giờ, giấy, bút; người lớn cùng chuẩn bị phép đo.

Câu 1 · tr. 05 Theo đoạn thật; phân biệt dự đoán và số đo, không dùng số trong ví dụ làm kết quả.

Câu 2 · tr. 06 Theo số đo thật; $t > 0$. Kết quả $s : t$ mô tả cả lượt, không đủ xác nhận chuyển động đều trong mọi khoảng nhỏ.

Câu 3 · tr. 06 Không chia cho 0; đo lại với mốc bắt đầu-kết thúc rõ và thời gian dương.

Câu 4 · tr. 06 Ghi các quãng đường trong những khoảng thời gian bằng nhau rồi so; chỉ phép chia cho cả lượt chưa đủ. Đây là kế hoạch kiểm nếu chưa làm.

LT1 · tr. 06 $12 : 6 = 2$ m mỗi giây tính cho cả lượt. Chưa chứng tỏ chuyển động đều; cần so quãng đường trong các khoảng thời gian bằng nhau, không chỉ hai mốc đầu và cuối.